

Số 2682- QĐ/HVBCTT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Căn cứ Quyết định số 531-QĐ/HVCTQG ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 1 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ - TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 4702 - QĐ/HVCTQG ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc giao biên chế tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1749 - QĐ/HVBCTT ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc tiếp nhận viên chức, người lao động của Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Công văn số 1282 - CV/HVCTQG ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;



Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (bao gồm cả cơ sở Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại thành phố Huế) (chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 64 ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quyết định tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản công tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Điều 1, Văn phòng và Ban Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và sử dụng máy móc, thiết bị đúng quy định tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, hiệu quả; là căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- HVCTQGHCM,
- KBNN nơi giao dịch,
- Cổng thông tin điện tử Học viện;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO CÁC CHỨC DANH**

(Kèm theo Quyết định số 2682 QĐ/HVBC TT, ngày 07 tháng 8 năm 2026 của
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Số TT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác cho các chức danh	Đơn vị tính	Tổng số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)	Ghi chú
I	Ban Giám đốc (5 người)				
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	bộ	05	13	
2	Tủ đựng tài liệu	chiếc	10	7	
3	Máy vi tính để bàn	bộ	05	20	
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	chiếc	05	25	
5	Máy in	chiếc	05	13	
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	chiếc	05	1,5	
7	Bộ bàn ghế họp	bộ	05	20	
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	bộ	05	20	
II	- Trưởng, Phó Trưởng phòng, Ban, khoa; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và các chức danh tương đương. (Tổng số lượng 193 người)				
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	bộ	193 bộ	10	
2	Tủ đựng tài liệu	chiếc	386 chiếc	7	
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	bộ/chiếc	193 bộ	20	
4	Máy in	chiếc	193 chiếc	13	
5	Điện thoại cố định	chiếc	193 chiếc	1	
6	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	193 bộ	13	
III	- Chuyên viên và các chức danh tương đương; - Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. (Tổng số lượng 223 người)				
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	bộ	223 bộ	7	

Số TT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác cho các chức danh	Đơn vị tính	Tổng số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)	Ghi chú
2	Tủ đựng tài liệu	chiếc	223 chiếc	7	
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	bộ/chiếc	223 bộ	20	
4	Điện thoại cố định	chiếc	223 bộ	1	

Ghi chú:

(*) Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Công văn số 1282 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Số lượng tối đa được xác định theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025, đối chiếu với số lượng 421 chức danh, vị trí việc làm hiện có, bảo đảm tổng số máy móc, thiết bị phân bổ không vượt quá giới hạn cho phép.

(**) Mức giá tối đa của từng loại máy móc, thiết bị được áp dụng theo giá trần tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp giá thị trường biến động, Học viện chỉ được điều chỉnh trong phạm vi không vượt quá 15% và phải có thuyết minh theo đúng thẩm quyền. Ghi chú trong bảng định mức nhằm làm rõ căn cứ và phạm vi điều chỉnh khi phát sinh nhu cầu áp dụng mức giá cao hơn, bảo đảm tuân thủ quy định của Nhà nước và phù hợp thực tế của đơn vị.

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG TRANG BỊ TẠI PHÒNG LÀM VIỆC**

(Kèm theo Quyết định số 2682- QĐ/HVBC TT, ngày 07 tháng 8 năm 2026 của
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

**I. Tiêu chuẩn, định mức số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung
trang bị tại phòng làm việc**

Số TT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị cho phòng làm việc	Đơn vị tính	Tổng số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách cho phòng làm việc	bộ	45 bộ/ 45 phòng làm việc	13
2	Máy in	chiếc	74 chiếc/ 221 biên chế	13
3	Máy scan tài liệu	chiếc	29 chiếc/ 421 biên chế	22
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	29 chiếc/ 421 biên chế	10
5	Máy photocopy	chiếc	29 chiếc/ 421 biên chế	110
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	43 chiếc/ 421 biên chế	1,5

II. Phân bổ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc

Số TT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị cho từng phòng làm việc	Đơn vị tính	Số lượng tối đa (*)
I	Ban Tổ chức Cán bộ (gồm 9 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 2 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	02
II	Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng (gồm 25 người: 1 cấp trưởng; 3 cấp phó; 6 CVCC, CVC và tương đương; 12 chuyên viên và 3 HDLD)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	05
2	Máy in	chiếc	06
3	Máy scan tài liệu	chiếc	02
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	02
5	Máy photocopy	chiếc	03
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03

III	Ban Kế hoạch - Tài chính (gồm 13 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 6 CVCC, CVC và tương đương; 3 chuyên viên và 2 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	03
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03
IV	Ban Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (gồm 14 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 3 CVCC, CVC và tương đương; 4 chuyên viên và 4 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	03
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
V	Văn phòng (gồm 43 người: 1 cấp trưởng; 3 cấp phó; 8 CVCC, CVC và tương đương; 9 chuyên viên và 22 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	06
2	Máy in	chiếc	07
3	Máy scan tài liệu	chiếc	03
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	03
5	Máy photocopy	chiếc	03
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03
VI	Văn phòng Đảng – Hội đồng trường – Đoàn thể (gồm 8 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 1 CVCC, CVC và tương đương, 4 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
VII	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông (gồm 9 người: 1 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 4 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01

VIII	Khoa Triết học (gồm 11 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 3 chuyên viên và 2 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
IX	Khoa Kinh tế chính trị (gồm 18 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 6 CVCC, CVC và tương đương; 7 chuyên viên và 2 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	03
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
X	Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học (gồm 10 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 5 CVCC, CVC và tương đương; 1 chuyên viên và 2 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	01
3	Máy scan tài liệu	chiếc	0
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	0
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XI	Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh (gồm 10 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 6 CVCC, CVC và tương đương; 1 chuyên viên và 1 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XII	Khoa Lịch sử Đảng (gồm 7 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 1 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	01
3	Máy scan tài liệu	chiếc	0
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	0
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01

XIII	Khoa Xây dựng Đảng (gồm 10 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 3 CVCC, CVC và tương đương; 3 chuyên viên và 3 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	03
3	Máy scan tài liệu	chiếc	0
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	0
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XIV	Khoa Nhà nước và Pháp luật (gồm 11 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 5 CVCC, CVC và tương đương; 3 chuyên viên và 1 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	0
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	0
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XV	Khoa Quan hệ quốc tế (gồm 15 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 3 CVCC, CVC và tương đương; 6 chuyên viên và 3 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XVI	Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm (gồm 22 người: 1 cấp trưởng; 3 cấp phó; 9 CVCC, CVC và tương đương; 7 chuyên viên và 2 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XVII	Viện Báo chí – Truyền thông (gồm 22 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 14 CVCC, CVC và tương đương; 16 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	04
3	Máy scan tài liệu	chiếc	02
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	02
5	Máy photocopy	chiếc	02
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	02

XVIII	Khoa Tuyên truyền (gồm 13 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 6 CVCC, CVC và tương đương; 4 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	02
XIX	Khoa Xuất bản (gồm 10 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 4 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XX	Khoa Xã hội học và Phát triển (gồm 9 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 5 CVCC, CVC và tương đương; 2 chuyên viên)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	0
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XXI	Khoa Chính trị học (gồm 13 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 7 chuyên viên và 1 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XXII	Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (gồm 19 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 1 CVCC, CVC và tương đương; 8 chuyên viên; 7 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	03
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	02

XXIII	Khoa Ngoại ngữ (gồm 33 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 8 CVCC, CVC và tương đương; 18 chuyên viên; 4 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	01
2	Máy in	chiếc	06
3	Máy scan tài liệu	chiếc	02
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	02
5	Máy photocopy	chiếc	02
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03
XXIV	Trung tâm khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (gồm 11 người: 1 cấp trưởng; 2 cấp phó; 4 CVCC, CVC và tương đương; 3 chuyên viên và 1 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	03
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03
XXV	Trung tâm Thông tin khoa học (gồm 11 người: 1 cấp trưởng; 1 cấp phó; 3 CVCC, CVC và tương đương; 5 chuyên viên và 1 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	02
2	Máy in	chiếc	02
3	Máy scan tài liệu	chiếc	01
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	01
5	Máy photocopy	chiếc	01
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	01
XXVI	Cơ sở Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại Huế (gồm 28 người: 2 CVCC, CVC và tương đương; 13 chuyên viên và 13 HĐLĐ)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	bộ	04
2	Máy in	chiếc	05
3	Máy scan tài liệu	chiếc	03
4	Máy hủy tài liệu	chiếc	03
5	Máy photocopy	chiếc	03
6	Giá đựng tài liệu	chiếc	03

Ghi chú:

(*) Số lượng máy móc, thiết bị được trang bị cho mỗi đơn vị sẽ thay đổi khi số lượng biên chế tại mỗi đơn vị thay đổi.

(**) Đồng thời, số lượng máy móc, thiết bị thay đổi theo hướng dẫn của Nhà nước và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số **2682** - QĐ/HVBCTT ngày **07** tháng **8** năm 2026 của
Giám đốc Học viện Báo chí và tuyên truyền)

Số TT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Tổng số lượng tối đa	Mức giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định Phụ lục số 01 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg			
1	Giá để lưu trữ tài liệu/hồ sơ	chiếc	25	6
II	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác bí mật nhà nước; trang bị phòng tiếp dân; bộ phận một cửa			
1	Máy scan tài liệu	chiếc	10	7
2	Máy hủy tài liệu	chiếc	10	7
III	Danh mục máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị			
1	Máy khoan điện (Văn phòng)	chiếc	03	4
2	Máy cưa cầm tay (Văn phòng)	chiếc	03	7
3	Máy xịt rửa áp lực vệ sinh (Văn phòng)	chiếc	02	7
4	Máy bắn bê tông (Văn phòng)	chiếc	02	7
5	Máy cắt cỏ (Văn phòng)	chiếc	04	7
6	Máy đọc mã vạch (ng nghiệp vụ thư viện)	chiếc	02	2
7	Máy in mã vạch (ng nghiệp vụ thư viện, quản lý tài sản)	chiếc	04	4
8	Máy ghi âm kỹ thuật số (ng nghiệp vụ tạp chí)	chiếc	02	4
9	Máy hút bụi cầm tay (ng nghiệp vụ thư viện)	chiếc	02	4

10	Giường y tế/ giường cấp cứu (Văn phòng)	chiếc	04	6,5
11	Ống nghe (nghe tim, phổi) (Văn phòng)	chiếc	02	1,2
12	Máy đo thân nhiệt hồng ngoại (Văn phòng)	chiếc	02	2
13	Thiết bị đo SpO ₂ (Văn phòng)	chiếc	02	2,0
14	Tủ lạnh (Văn phòng)	chiếc	02	5,5
15	Tủ hấp tiệt trùng (Văn phòng)	chiếc	02	2
16	Cân sức khỏe có đo chiều cao (Văn phòng)	chiếc	02	4,5
17	Máy đo huyết áp điện tử (Văn phòng)	bộ	02	3,3
18	Tủ đựng hồ sơ y tế (Văn phòng)	chiếc	02	4
19	Đèn hồng ngoại (Văn phòng)	chiếc	02	1,5
20	Băng ca cấp cứu (Văn phòng)	chiếc	02	2,7
21	Máy đo đường huyết (Văn phòng)	chiếc	02	2,0
22	Đèn khám bệnh (Văn phòng)	chiếc	02	3,2
23	Bộ sơ cứu y tế học đường (Văn phòng)	bộ	02	2,2
24	Máy phun khử khuẩn (Văn phòng)	chiếc	02	5
25	Bình ô xy y tế và mặt nạ thở (Văn phòng)	chiếc	02	1,2
26	Bảng kiểm tra thị lực (Văn phòng)	bảng	02	0,5

Ghi chú:

Đối với giá của danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng; đơn vị căn cứ theo Công văn số 1282-CV/HVCTQG ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 15/2025/QĐ - TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.